

Số: 3015 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 23 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 398/TTr-STNMT ngày 20/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký và thay thế thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố;

Số 3249/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường; số 533/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai; số 1490/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai; số 4396/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Bộ TN&MT;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, CD ANHP;
- Công TTĐT TP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT, NC&KTGS;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số: 3015/QĐ-UBND ngày **23 / 8 /2024** của Chủ tịch UBND thành phố)

I. THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (16 TTHC)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Số TNMT/ cơ quan liên quan	UBND thành phố			DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
1	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- 46 ngày; - 56 ngày đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	14 ngày làm việc	UBND thành phố	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở TNMT/ cơ quan liên quan	UBND thành phố			DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
2	1.012752	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
3	1.012755	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở TNMT/ cơ quan liên quan	UBND thành phố			DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
		đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao							(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
4	1.012757	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023. (4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở TNMT/ cơ quan liên quan	UBND thành phố			DVC trực tuyến	Dịch vụ Bru chính công ích	
5	1.012758	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
6	1.012759	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở TNMT/ cơ quan liên quan	UBND thành phố			DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
7	1.012760	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
8	1.012761	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở TNMT/ cơ quan liên quan	UBND thành phố			DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
		chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài							
9	1.012762	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- 07 ngày làm việc - 12 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	03 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
10	1.012763	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở TNMT/ cơ quan liên quan	UBND thành phố			DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
		chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao							(3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
11	1.012764	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	- 15 ngày làm việc; - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	08 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở TNMT/ cơ quan liên quan	UBND thành phố			DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
12	1.012804	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
13	1.012792	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở TNMT/ cơ quan liên quan	UBND thành phố			DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
14	1.012802	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
15	1.012803	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức	- 12 ngày làm việc; - 22 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải - Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: Trong thời hạn không quá	03 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan thực hiện	Phí lệ, phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở TNMT/ cơ quan liên quan	UBND thành phố			DVC trực tuyến	Dịch vụ Bưu chính công ích	
			07 ngày làm việc						
16	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	- 33 ngày làm việc; - 43 ngày làm việc đối với huyện Bạch Long Vỹ và Cát Hải	05 ngày làm việc	UBND thành phố	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

II. THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (32 TTHC)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	23 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với đăng ký đất đai; 03	Sở Tài nguyên và Môi	1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 150.000 đồng/giấy;	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		giáo trực thuộc; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	ngày làm việc đối với cấp GCN)	trường, Văn phòng Đăng ký đất đai	- Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: 650.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 3.060.000 đồng/hồ sơ.			(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
2	1.012754	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài						
		Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	23 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với đăng ký đất đai; 03 ngày làm việc đối với cấp GCN)	Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai	1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ + Tại phường: 40.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: + Tại phường: 150.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ.	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
3	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý						
		Tổ chức trong nước; tổ chức kinh tế; cộng đồng dân cư.	20 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký đất đai	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
4	1.012765	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh	10 ngày làm việc (05	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp QSDĐ và QSHTS: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định:	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài	ngày làm việc đối với TTHC cho thuê, cho thuê lại QSD đất)		1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Cá nhân, cộng đồng dân cư		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				
5	1.012820	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức	10 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cộng đồng: 1. Lệ phí cấp giấy: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ II. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân: 1. Lệ phí cấp giấy:	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài			- Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Cá nhân, cộng đồng dân cư		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				
6	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài	03 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSHTS: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		Cá nhân, cộng đồng dân cư		Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	nước ngoài: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
7	1.012768	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ	- 05 ngày làm việc: <i>đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.</i> - 07 ngày làm việc: <i>đối với trường hợp thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</i>	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, người gốc	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài	hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề. - 10 ngày làm việc: đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên.		Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Cá nhân, cộng đồng dân cư		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				
8	1.012769	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ	- 10 ngày làm việc: đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: 75.000 đồng/giấy 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí:	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài	gắn liền với thửa đất. - 07 ngày làm việc: đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất đã được chứng nhận quyền sở hữu.		- Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Cá nhân, cộng đồng dân cư		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				
9	1.012770	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài.	08 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký đất đai	1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ.	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
								29/7/2024 của Chính phủ.
10	1.012772	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài	- 08 ngày làm việc: <i>đối với các trường hợp: thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp.</i>	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Cá nhân, cộng đồng dân cư	- 15 ngày làm việc: <i>đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất xây dựng công trình</i>	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
			trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm. - 10 ngày làm việc: đối với trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công:		và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			
11	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp						
		Doanh nghiệp tư nhân	10 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký đất đai	1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ.	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
								phủ.
12	1.012794	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
13	1.012795	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ						
		Cá nhân, hộ gia đình	01 ngày làm việc	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
14	1.012815	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: 60.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân: 1. Lệ phí: - Tại phường: 35.000	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		Cá nhân, hộ gia đình	10 ngày làm việc	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
17	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận						
		Cá nhân, hộ gia đình	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	I. Đăng ký biến động: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài	- 05 ngày làm việc: <i>Đối với các trường hợp: Người sử dụng đất có nhu cầu cấp đổi GCN; GCN đã cấp bị ố nhòe, rách, hư hỏng; GCN đã cấp chung cho nhiều thửa đất mà thực hiện cấp riêng cho từng thửa đất và trường hợp cấp đổi GCN sau khi thu hồi, hủy GCN đã cấp; mục đích sử dụng đất ghi trên GCN đã cấp khác với mục đích sử dụng đất theo phân loại đất quy định tại Luật đất đai 2024; vị trí thửa đất trên GCN đã cấp không chính xác so với vị trí thực tế sử dụng tại thời điểm cấp GCN đã cấp; GCN đã cấp chỉ ghi họ, tên của vợ hoặc của chồng, nay có yêu cầu cấp đổi GCN để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng; GCN đã cấp ghi tên hộ</i>	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Cá nhân, cộng đồng dân cư		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		Tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư.	15 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
					đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			
20	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài.	10 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ II. Cá nhân, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS:	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. (4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
		Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
					- Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			
21	1.012788	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai	*Tổ chức, cộng đồng dân cư: I. Đã có GCN: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Chưa có GCN: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 150.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 650.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 3.060.000 đồng/hồ sơ. * Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài,	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. (4) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Cá nhân, cộng đồng dân cư		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
					cá nhân: I. Đã có GCN: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ. II. Chưa có GCN: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ + Tại phường: 40.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: + Tại phường: 150.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy;			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
					2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ.			
22	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai	Không	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				
23	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi						
		Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ	- 25 ngày làm việc: Đối với việc thu hồi GCN. - 23 ngày làm việc:	Sở Tài nguyên và Môi trường,	I. Tổ chức, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ:	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài	Đối với việc cấp GCN (20 ngày làm việc đối với đăng ký đất đai; 03 ngày làm việc đối với cấp GCN).	Văn phòng Đăng ký đất đai	150.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 650.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 3.060.000 đồng/hồ sơ. II. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài, cá nhân: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 40.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 150.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ.			(2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Cá nhân, cộng đồng dân cư		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				
24	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định						
		Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở	10 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký	I. Tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư.		đất đai	thực hiện dự án đầu tư, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp QSDĐ và QSHTS: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, hộ gia đình, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy;			18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam		Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai				

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
					2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			
25	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản						
		Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức, cá nhân nước ngoài; cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Văn phòng Đăng ký đất đai	I. Tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp QSDĐ và QSHTS: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, hộ gia đình, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
					đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			
26	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai						
		Đối với Tổ chức	- 01 ngày làm việc: <i>Đối với trường hợp Thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.</i>	Văn phòng Đăng ký đất đai				(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
		Đối với cá nhân	- 03 ngày làm việc: <i>Đối với trường hợp Thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.</i> <i>Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, tổng hợp, phân tích hoặc lấy ý</i>	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	'Phí: - Phụ lục số 5 Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng; - Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố.	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
			<i>kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc.</i>					
27	1.012808	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất.	07 ngày làm việc	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	1. Lệ phí: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
28	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	01 ngày làm việc	- Văn phòng ĐKĐĐ: đối với tổ chức, - Chi nhánh VP ĐKĐĐ:	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm 80.000 đồng/hồ sơ; Phí đăng ký biện pháp bảo đảm nộp trực tuyến: 68.000 đồng/hồ sơ	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022; Luật Đất đai 2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022; Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
				đối với hộ gia đình, cá nhân				07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp; Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp.
29	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	01 ngày làm việc	- Văn phòng ĐKĐĐ: đối với tổ chức, - Chi nhánh VP ĐKĐĐ: đối với hộ gia đình, cá nhân	Phí Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm 60.000 đồng/hồ sơ; Phí Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm nộp trực tuyến: 51.000 đồng/hồ sơ	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022; Luật Đất đai 2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022; Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp; Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp.
30	1.011443	Xoá Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	01 ngày làm việc	- Văn phòng ĐKĐĐ: đối với tổ chức, - Chi nhánh VP ĐKĐĐ: đối với hộ gia đình, cá nhân	Phí xoá đăng ký biện pháp bảo đảm 20.000 đồng/hồ sơ; Phí xoá đăng ký biện pháp bảo đảm nộp trực tuyến: 17.000 đồng/hồ sơ	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022; Luật Đất đai 2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022; Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
				đình, cá nhân				pháp; Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp.
31	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xoá Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	01 ngày làm việc	- Văn phòng ĐKĐĐ: đối với tổ chức, - Chi nhánh VP ĐKĐĐ: đối với hộ gia đình, cá nhân	Phí đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xoá Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm: 30.000 đồng/hồ sơ; Phí đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xoá Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm nộp trực tuyến: 25.500 đồng/hồ sơ	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022; Luật Đất đai 2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022; Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp; Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp.
32	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	01 ngày làm việc	- Văn phòng ĐKĐĐ: đối với tổ chức, - Chi nhánh VP ĐKĐĐ: đối với hộ gia đình, cá nhân	Theo quy định của Hội đồng nhân thành phố	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Quyết định số 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022; Luật Đất đai 2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022; Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp; Quyết định số 2546/QĐ-

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
								BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp.

III. THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (19 TTHC)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	1.012811	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	45 ngày (không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật)	UBND cấp huyện	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
2	1.012771	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân						27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
3	1.012773	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
4	1.012774	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
5	1.012775	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
6	1.012776	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
7	1.012777	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
8	1.012778	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
9	1.012779	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân						
10	1.012780	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở;	85 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện						

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở						
11	1.012806	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biên đề thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
12	1.012807	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
13	1.012809	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
14	1.012810	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	15 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không quy định	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
15	1.012814	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	23 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với đăng ký đất đai; 03 ngày làm việc đối với cấp GCN)	UBND cấp huyện	I. Cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 150.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: 650.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 3.060.000 đồng/hồ sơ. II. Cá nhân, hộ gia đình: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ + Tại phường: 40.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: + Tại phường: 150.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ.	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
16	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy	20 ngày làm việc	UBND cấp huyện	1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004			đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
17	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	10 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
18	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát	- 25 ngày làm việc: <i>Đối với việc thu hồi GCN.</i> - 23 ngày làm việc: <i>Đối với việc cấp GCN (20 ngày làm việc đối với đăng</i>	UBND cấp huyện	I. Cộng đồng dân cư: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 150.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: 650.000 đồng/giấy.	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	<i>ký đất đai</i> ; 03 ngày làm việc đối với <i>cấp GCN</i>).		2. Phí thẩm định: 3.060.000 đồng/hồ sơ. II. Hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 40.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 150.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ.			27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.
19	1.012816	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng	10 ngày làm việc	UBND cấp huyện; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	I. Đã có GCN: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS:	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
		đường giao thông			- Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ. II. Chưa có GCN: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 40.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 150.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ.			(3) Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.



IV. THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (01 TTHC)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	30 ngày làm việc (không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật)	Ủy ban nhân dân cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Một phần	Nộp hồ sơ và trả kết quả	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. (2) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. (3) Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.